

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2017/KDTM-PT**
Ngày: 18-12-2017
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tòng**

Các Thẩm phán: Bà **Lưu Ánh Nguyệt**

Bà Nguyễn Thị Thúy Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồ Thị Bảo Ngọc** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Ông **Nguyễn Hồng Lạc** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 13 và ngày 18 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 10/2017/TLPT-KDTM ngày 03 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng mua bán.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 04/2017/KDTM-ST ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2017/QĐPT-KDTM ngày 25 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Dương Tuấn N** - Chủ Hộ kinh doanh N, sinh năm 1972; Địa chỉ cư trú: Quốc lộ 22B, ấp B, xã B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Huỳnh Văn A**, sinh năm 1969; Địa chỉ cư trú: Hẻm T, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 27-3-2017); Có mặt.

- Bị đơn: Bà **Trịnh Kim X**, sinh năm 1970; Địa chỉ cư trú: Quốc lộ H, ấp B, xã B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà X: Luật sư Nguyễn Hữu L – Chi nhánh Văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người làm chứng: Chị **Nguyễn Thị Lệ H**, sinh năm 1973; Địa chỉ cư trú: Quốc lộ H, ấp B, xã B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh;

- Người kháng cáo: Bà Trịnh Kim X.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 4 năm 2017 của nguyên đơn ông Dương Tuấn N - Chủ Hộ kinh doanh N và quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của ông N trình bày:

Từ tháng 5/2015 đến tháng 7/2015, bà X có mua vật liệu xây dựng của Cửa hàng Vật liệu xây dựng N do ông N làm chủ hộ kinh doanh để xây dựng nhà ở có kinh doanh dịch vụ karaoke tại ấp B, xã B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Hai bên đã thỏa thuận lấy vật liệu xây dựng đến đâu trả tiền đến đó. Đến tháng 7/2015 hai bên xác nhận nợ cũ là 12.450.000 đồng, nợ mới là 138.470.000 đồng, tổng cộng là 150.920.000 đồng (trong hóa đơn ghi 150.092.000 đồng là do tính toán sai), bà X có ký nhận số tiền này. Sau khi chốt nợ bà X có mua thêm vật liệu và có trả tiền nhiều lần. Đến tháng 6/2016, bà X còn nợ 77.300.000 đồng, tuy nhiên từ tháng 6/2016 đến nay không trả tiền.

Nay ông N yêu cầu bà X trả số tiền nợ vật liệu xây dựng còn thiếu là 77.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 30-6-2016 đến nay theo quy định pháp luật.

Theo bản tự khai ngày 18-5-2017 và tại phiên tòa, bị đơn bà Trịnh Kim X trình bày:

Vào ngày 12-02-2015 âm lịch, bà có khởi công xây dựng nhà ở có kinh doanh thêm dịch vụ karaoke tại ấp B, xã B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Bà có mua vật liệu xây dựng như gạch, cát, sắt, gạch nền nhà, thùng nước... của Cửa hàng Vật liệu xây dựng N do ông N làm chủ. Bà đưa trước số tiền 100.000.000 đồng và thỏa thuận khi nào hóa đơn bán hàng lên đến khoảng 100.000.000 đồng thì báo cho bà về thanh toán. Quá trình mua bán nhiều lần, bà không nhớ đã mua hết bao nhiêu. Đến đợt thanh toán hóa đơn cuối cùng 138.470.000 đồng thì bà có ký nhận và đã thanh toán xong. Hiện nay bà không còn nợ tiền mua vật liệu xây dựng của Cửa hàng Vật liệu xây dựng N.

Đối với hóa đơn do ông N cung cấp cho Tòa án không có giá trị pháp lý đối với bà do số tiền 12.450.000 đồng là do Cửa hàng Vật liệu xây dựng N tự ghi thêm vào thành tổng tiền 150.092.000 đồng; thực chất chốt số tiền cuối cùng

chỉ là 138.470.000 đồng và bà đã thanh toán xong. Mặt sau hóa đơn có ghi việc mua thêm, trả thêm và chốt lại còn nợ 77.300.000 đồng là do tự Cửa hàng Vật liệu xây dựng N ghi thêm, bà không biết và cũng không có ký nhận đối với số tiền này.

Tại bản án sơ thẩm số 04/2017/KDTM-ST ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30; Điểm b Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 50, 306 Luật thương mại; Án lệ 09/2016/AL; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chủ Hộ kinh doanh N - Ông Dương Tuấn N đối với bà Trịnh Kim X về “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Buộc bà Trịnh Kim X có trách nhiệm trả cho chủ Hộ kinh doanh N - Ông Dương Tuấn N số tiền nợ 77.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán là 6.971.000 đồng, tổng cộng là 83.971.000 (Tám mươi ba triệu chín trăm bảy mươi một ngàn) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 08-8-2017, bà Trịnh Kim X có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác đơn yêu cầu khởi kiện của ông N, với lý do:

+ Tổng kết đến ngày 08-7-2017 thì bà X thiếu tiền vật tư của Cửa hàng N số tiền là 138.470.000 đồng, bà đã trả hết cho Cửa hàng. Trong hóa đơn bán hàng, ông N tự ghi thêm tiền nợ cũ 12.450.000 đồng, tổng cộng nợ cũ và nợ mới là 150.920.000 đồng, sau đó ông N ghi phía sau hóa đơn diễn giải bà trả nợ dần, hiện còn nợ là 77.300.000 đồng. Bà khẳng định số tiền mua vật tư đã trả đủ cho Cửa hàng vào ngày 08-9-2015, hiện không còn nợ ông N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người làm chứng chị Nguyễn Thị Lệ H trình bày: Chị là vợ anh Dương Tuấn N, chị thường xuyên trông coi Cửa hàng N cho ông N. Bà X có mua vật liệu xây dựng của Cửa hàng N để xây dựng nhà ở và quán karaoke, khi bà X mua vật liệu xây dựng trên dưới 50.000.000 đồng thì thanh toán, khi bán vật liệu xây dựng cho bà X thì Cửa hàng có sổ tay theo dõi mua bán, mỗi lần bà X thanh toán xong thì chị có cung cấp cho bà X biên nhận tiền. Đối với số tiền của hóa đơn ghi ngày 17-5 đến ngày 08-7-2015 hai bên có kết nợ là 138.470.000 đồng, do ngày 16-5-2015 bà X có nợ số tiền mua vật liệu xây dựng là 62.450.000 đồng nhưng bà X chỉ trả số tiền 50.000.000

đồng nên còn nợ số tiền 12.450.000 đồng, hai bên ghi thêm vào hóa đơn nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà X – Luật sư Nguyễn Hữu L trình bày:

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, người đại diện của nguyên đơn là anh A trình bày bà X mua vật liệu đủ số tiền 100.000.000 đồng sẽ thanh toán, chị H vợ anh N khai khi bà X mua vật liệu xây dựng số tiền trên dưới 50.000.000 đồng sẽ thanh toán nên có mâu thuẫn. Chị H trình bày có viết hóa đơn cho bà X khi thanh toán là không có cơ sở bởi lẽ không có chứng cứ chứng minh. Tài liệu Cửa hàng N cung cấp là các hóa đơn bán hàng không phải chứng từ thanh toán, khi bà X trả tiền thì Cửa hàng N không giao chứng từ thanh toán mà chỉ gạch sổ. Ngày 08-9-2015, bà X có thanh toán cho Cửa hàng N số tiền 138.470.000 đồng là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà X, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trịnh Kim X, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Theo khoản 1 Điều 30 của BLTTDS năm 2015 quy định về tranh chấp kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là: “*Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận*”. Theo khoản 1 Điều 3 của Luật Thương mại quy định: “*Hoạt động thương mại là hoạt động nhằm mục đích sinh lợi, bao gồm mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ, đầu tư, xúc tiến thương mại và các hoạt động nhằm mục đích sinh lợi khác*”. Chủ hộ kinh doanh N - ông Dương Tuấn N mua bán vật liệu xây dựng có giấy phép kinh doanh. Bà Trịnh Kim X mua vật liệu xây dựng để xây dựng cơ sở đầu tư kinh doanh dịch vụ karaoke là hoạt động thương mại, có mục đích sinh lợi và

ngày 21-9-2015, bà Trịnh Kim X – Chủ hộ kinh doanh T được cấp giấy phép kinh doanh karaoke. Do đó hợp đồng mua bán giữa hai bên đều có mục đích lợi nhuận, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là tranh chấp kinh doanh thương mại là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Tại hóa đơn bán hàng (BL 28) có nội dung ghi từ ngày 17-5 đến ngày 08-7-2015 tổng số tiền là 138.470.000 đồng và “toa cũ” chuyển sang là 12.450.000 đồng tổng cộng là 150.092.000 đồng thực chất đây là giấy tính tiền nhận nợ, không phải hóa đơn bán hàng thuần túy vì không có ghi số lượng vật liệu mà bà X đã mua. Hóa đơn bán hàng này có chữ ký của bà X.

[3] Xét lời trình bày của bà X về số tiền 12.450.000 đồng bà X cho rằng do ông N ghi thêm thì thấy rằng: tại biên bản hòa giải ngày 26-5-2017 bà X thừa nhận bà khởi công xây dựng nhà ở và dịch vụ karaoke từ ngày 12-02-2015 và mua vật liệu xây dựng tại cửa hàng của ông N.

[4] Theo sổ theo dõi mua bán vật liệu do Cửa hàng N cung cấp thì ngày 16-5-2015 bà X nợ số tiền 62.450.000 đồng trả được số tiền 50.000.000 đồng còn nợ lại 12.450.000 đồng, do đó có căn cứ khi thanh toán số vật liệu xây dựng mua từ ngày 21-4 đến ngày 16-5-2015 bà X còn nợ lại số tiền 12.450.000 đồng.

[5] Đối với số tiền 138.470.000 đồng, bà X thừa nhận có nợ nhưng bà cho rằng đã trả vào ngày 08-9-2015 nhưng không có chứng cứ để chứng minh nên không có cơ sở để xác định bà X đã trả nợ xong cho Cửa hàng N. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N – Chủ hộ kinh doanh N, buộc bà X trả cho ông N số tiền nợ gốc 77.000.000 đồng, tiền lãi do chậm thanh toán là 6.971.000 đồng, tổng cộng 83.971.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà X, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà X không được chấp nhận nên bà X phải chịu tiền án phí là 2.000.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; Điều 50, 306 Luật thương mại; Án lệ 09/2016/AL; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trịnh Kim X.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Tuấn N – Chủ Hộ kinh doanh N đối với bà Trịnh Kim X về “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Buộc bà Trịnh Kim X có trách nhiệm trả cho ông Dương Tuấn N – Chủ Hộ kinh doanh N số tiền nợ 77.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán là 6.971.000 đồng, tổng cộng là 83.971.000 (Tám mươi ba triệu chín trăm bảy mươi một ngàn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

2.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Ông Dương Tuấn N được nhận lại số tiền 1.925.000 đồng tạm ứng án phí ông N đã nộp theo biên lai số: 0003978 ngày 13-4-2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Bà Trịnh Kim X phải chịu 4.195.500 (Bốn triệu một trăm chín mươi lăm ngàn năm trăm) đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

2.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bà Trịnh Kim X phải chịu 2.000.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004455 ngày 10-8-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND thành phố T;
- CCTHADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tòng